

Bản án số: 05/2020/DS-PT

Ngày: 06/3/2020

"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Minh Tân

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền- Th- ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải D- ơng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải D- ơng: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải D- ơng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2020/DS-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020, " *Về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐ-PT ngày 18/02/2020 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thuần N, sinh năm 1957.

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1943; trú tại số 20 H, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, H, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hồng H - Giám đốc Agribank chi nhánh huyện C (*theo Quyết định số 509, 510/QĐ-HĐTV-PC của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*).

Ng- ời nhận ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 - Phó Giám đốc Agribank chi nhánh huyện C (*theo giấy ủy quyền số 403 ngày 11-9-2019*).

Địa chỉ: thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Đỗ Văn C, SN 1943; trú tại số 20 H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3.2. Ủy ban nhân dân xã H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công Đ - Chủ tịch UBND xã; địa chỉ: xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Thuần N (Nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27-02-2006, ông N ký Hợp đồng tín dụng số 62600010 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện C, số tiền vay là 60.000.000đ; lãi suất 1,18%/tháng; trả lãi tiền vay quý/1 lần; thời hạn vay 36 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27-02-2009. Nếu nợ quá hạn thì phải trả lãi suất 1,7%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông N đã thế chấp tài sản gồm 01 nhà ở, công trình phụ và toàn bộ diện tích 489 m² đất ở lâu dài tại thửa số 40, tờ bản đồ số 02; có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 233666 cấp ngày 16-11-1996 mang tên Phạm Thuần N thông qua Hợp đồng thế chấp tài sản số 62600010 ngày 27-02-2006 có chứng thực của UBND xã H. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp số 62600010/HĐTD ngày 27-02-2006, ông N, bà T hoàn toàn tự nguyện, thiện chí giao kết hợp đồng. Ông N, bà T không có ý kiến thắc mắc gì về thẩm quyền ký hợp đồng, về hình thức hợp đồng và các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp. Từ ngày ký Hợp đồng tín dụng đến nay Ngân hàng đã vi phạm hợp đồng, cụ thể là chưa giải ngân cho ông N số tiền vay 60.000.000đ. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng, ông N khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy Hợp đồng tín dụng số 62600010/HĐTD ngày 27-02-2006.
2. Hủy Hợp đồng thế chấp tài sản số 62600010/HĐTC ngày 27-02-2006 có chứng thực.
3. Trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 233666 cấp ngày 16-11-1996 mang tên Phạm Thuần N.

Sau khi được xem các tài liệu do phía Ngân hàng giao nộp cho Tòa, trừ phiếu chi tiền ngày 28-02-2006 thì Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp cùng số cùng ngày và các tài liệu có liên quan đều là những tài liệu do ông và bà Thành giao kết, ký xác lập cùng Ngân hàng, đúng chữ ký, chữ viết họ tên của ông bà. Đối với phiếu chi có đóng dấu "đã chi tiền" ngày 28-02-2006, ông N khẳng định chữ viết "Phạm

Thuần N" tại mục người nhận tiền có nét giống chữ viết của ông, có nét không giống, nhưng ở mục này không có chữ ký của ông. Thông thường ông đều ký và ghi rõ họ tên nên chữ "Phạm Thuần N" trong tờ phiếu chi này hoàn toàn không phải là của ông, tuy nhiên ông không yêu cầu giám định chữ "Phạm Thuần N" trong tờ phiếu chi. Ông và bà T chưa bao giờ ký và viết họ tên vào phiếu chi tiền nào; ông chưa được nhận khoản tiền vay 60.000.000đ do Ngân hàng giải ngân nên chưa phát sinh việc trả gốc và trả lãi, cũng chưa bao giờ trả khoản tiền lãi nào.

Tại bản tự khai ngày 12-9-2019 và các biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn L là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Ngày 27-02-2006, ông Phạm Thuần N có đề nghị vay vốn 60 triệu đồng, để đầu tư chăn nuôi và đào ao thả cá. Sau khi thẩm định tài sản, ngày 27-02-2006 A chi nhánh huyện Cẩm Giàng và ông Phạm Thuần N ký Hợp đồng tín dụng số: 62600010/HĐTD. Tài sản để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông N thông qua Hợp đồng thế chấp số: 62600010/HĐTC ngày 27-02-2006 là giá trị quyền sử dụng 489 m² đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 40; tờ bản đồ số 02 tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Hải Dương, có giấy chứng nhận số I 233666 do Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện B cấp ngày 16-11-1996 mang tên Phạm Thuần N.

Ngày 28-02-2006, Ngân hàng đã giải ngân và phát tiền vay cho ông Phạm Thuần N, ông N đã ký nhận tiền và lĩnh tiền đầy đủ (thể hiện qua phụ lục Hợp đồng tín dụng và Phiếu chi ngày 28-02-2006 có chữ ký và chữ viết họ tên Phạm Thuần N) với nội dung : Số tiền cho vay là 60.000.000đ, phân 02 kỳ trả nợ: kỳ 1: ngày 27-02-2008, phải thanh toán tiền gốc 20.000.000đ và lãi phát sinh; kỳ 2: ngày 27-02-2009, phải thanh toán số tiền gốc 40.000.000đ và lãi phát sinh. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại gia đình ông N vẫn còn dư nợ gốc: 60.000.000đ. Lãi gia đình ông N đã trả từ khi vay đến ngày 18-12-2007 là: 15.528.800đ. Số lãi gia đình ông N chưa trả đến ngày 12-09-2019 là: 169.333.350đ. Việc ký Hợp đồng tín dụng và ký nhận tiền vay tại Ngân hàng theo quy chế của Ngân hàng quy định là phải chính chủ người vay thực hiện. Còn việc trả lãi và trả gốc tiền vay thì Ngân hàng không quy định cứng là phải chính chủ người vay mới đem trả được, do vậy thực tế khi trả tiền lãi và trả tiền gốc vay thì người vay vốn có thể trả trực tiếp tại Ngân hàng hoặc nhờ người khác trả hộ. Đối chiếu với 2 bản kê thu lãi của Ngân hàng với ông N thì Ngân hàng không quan tâm đến việc ai trả lãi hộ ông N; phía Ngân hàng chỉ biết có tiền trả lãi cho ông N là Ngân hàng thu.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 62600010/HĐTD ký ngày 27-02-2006 giữa ông Phạm Thuần N và A chi nhánh huyện C, tại Điều 10 của hợp đồng có ghi: *Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thanh lý khi bên B(bên vay: ông Phạm Thuần N) hoàn trả cho bên A (Ngân hàng) đầy đủ cả gốc và lãi tiền vay.* Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 62600010 ngày 27-

02-2006 giữa vợ chồng ông Phạm Thuần N và Agribank chi nhánh huyện C, tại Điều 10 cam kết chung có ghi: *Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 27-02-2006 cho đến khi bên B (bên vay: ông Phạm Thuần N) hoàn thành nghĩa vụ trả nợ; tài sản thế chấp đã được xử lý để thu hồi nợ hoặc các bên thỏa thuận thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.* Vì vậy, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Agribank chi nhánh huyện C với gia đình ông Phạm Thuần N trên cơ sở tự nguyện, thiện chí, đảm bảo nội dung và hình thức của hợp đồng theo quy định của pháp luật vẫn còn nguyên hiệu lực. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N - A chi nhánh huyện C có quan điểm: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thuần N đối với yêu cầu hủy Hợp đồng tín dụng số 62600010/HĐTD ký ngày 27-02-2006; hủy Hợp đồng thế chấp tài sản số 62600010/HĐTD ký ngày 27-02-2006 và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật, bên nào sai bên đó phải chịu.

Tại văn bản ý kiến ngày 17-9-2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Công Đ- Chủ tịch UBND xã H) xác nhận: UBND xã H có chứng thực vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 62600010 ngày 27-02-2006 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện C với ông Phạm Thuần N, bà Nguyễn Thị T. Việc UBND xã H chứng thực trong trường hợp này là chứng thực của cơ quan hành chính Nhà nước xác nhận giữa các bên có sự kiện giao dịch là thật; còn hình thức, nội dung các điều khoản trong hợp đồng là việc thỏa thuận giữa các bên, UBND xã H không liên quan và không chịu trách nhiệm về hình thức nội dung các điều khoản trong hợp đồng. Do sơ suất UBND xã H không yêu cầu các bên khi giao kết hợp đồng ký tắt vào các trang của Hợp đồng thế chấp và không đóng dấu giáp lai. Ông Đ xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kết luận giám định số 42/KLGD ngày 30-9- 2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết "Phạm Thuần N" trên phiếu chi (ký hiệu A) với chữ viết "Phạm Thuần N" trên các tài liệu so sánh (ký hiệu M1-> M10) là do cùng một người viết ra.

Tại phiên họp ngày 07-10-2019 về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất xác định khi giao kết Hợp đồng tín dụng, kèm phụ lục Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp và các tài liệu có liên quan, Ngân hàng và vợ chồng ông N đều tự nguyện, thiện chí; không thắc mắc gì về nội dung thỏa thuận và hình thức, thẩm quyền ký kết các hợp đồng. Chỉ có 1 vấn đề duy nhất: ông N cho rằng Ngân hàng chưa giải ngân số tiền vay 60.000.000đ, ông N

chưa ký nhận tiền, còn Ngân hàng khẳng định đã giải ngân 60.000.000đ tiền vay, ông N đã nhận tiền, có ký vào phiếu chi tiền ngày 28-02-2006. Các đương sự đều đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về 3 yêu cầu: hủy Hợp đồng tín dụng số 62600010/HĐTD ngày 27-02-2006; hủy Hợp đồng thế chấp tài sản số 62600010/HĐTC ngày 27-02-2006 có chứng thực; trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1233666 cấp ngày 16/11/1996 mang tên Phạm Thuận N.

Ngày 12/11/2020 ông Phạm Thuận N kháng cáo toàn bộ bản án vì cho rằng ông không ký vào phiếu chi, không trả lãi và không ký vào các bảng kê thu nợ của ngân hàng. Do vậy, ông không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không đồng ý về việc phải chịu chi phí 4.820.000 đồng tiền giám định chữ viết.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Xác định Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa 2 bên đã đảm bảo quy định của Bộ luật dân sự, do vậy các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Căn cứ phiếu chi ngày 28/2/2006 thể hiện ông N đã nhận đủ số tiền vay 60 triệu đồng và cho đến nay ông N vẫn chưa trả số tiền này. Ông N cho rằng ông không vay số tiền 60 triệu nên ông không trả lãi, tuy nhiên theo quy định của Ngân hàng thì việc trả lãi không nhất thiết phải do chính người vay trả, nên quan điểm của ông N là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thuận N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Thuận N, Hội đồng xét xử thấy:

1.1. Đối với hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên, các đương sự đều xác định khi ký kết hai hợp đồng này các bên đều hoàn toàn tự nguyện. Về hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện đúng ý chí của các bên. Theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng quy định hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được thanh lý khi ông N trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi. Căn cứ phiếu chi ngày 28-02-2006 cho thấy ông N là người đã nhận số tiền 60 triệu đồng, ông N đã ký tên Nguyễn Thuận N dưới mục người nhận tiền. Mặc dù ông N cho rằng chữ Nguyễn Thuận N không phải là chữ viết của ông nhưng tại kết luận giám định số 42/KLGD ngày 30-9-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết "Phạm Thuận N" trên phiếu chi với chữ viết "Phạm Thuận N" trên các tài liệu so sánh là do

cùng một người viết ra. Như vậy có đủ căn cứ xác định ông N đã nhận đủ số tiền 60 triệu đồng từ Ngân hàng. Ông N không đồng ý với kết luận giám định nhưng không yêu cầu giám định lại và cho rằng Ngân hàng đã dùng kỹ thuật nào đó để ghép chữ ký của ông vào phiếu chi nhưng ông không xuất trình được căn cứ chứng minh, nên ý kiến này của ông N không có cơ sở chấp nhận. Theo Ngân hàng, hiện nay ông N chưa trả được tiền gốc và mới trả được 1 phần lãi. Như vậy ông N đã nhận đủ tiền vay và chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng, nên không có căn cứ để hủy hợp đồng tín dụng số 62600010/HĐTD ngày 27-02-2006.

1.2. Xem xét Hợp đồng thế chấp số 62600010/HĐTD ký ngày 27-02-2006 giữa ông Phạm Thuận N và Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện C thì thấy tại Điều 10 của hợp đồng thế chấp cũng quy định hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 27-2-2006 cho đến khi ông N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ; tài sản thế chấp đã được xử lý để thu hồi nợ hoặc các bên thỏa thuận thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác. Tuy nhiên cho đến thời điểm này ông N chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tài sản cũng chưa được xử lý để thu hồi nợ, các bên cũng không có thỏa thuận nào khác nên ông N yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp là không có căn cứ và như vậy cũng không có căn cứ buộc Ngân hàng phải trả ông N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.3. Ông N cho rằng ông không vay nên không trả lãi, việc các bảng kê thu nợ thể hiện ông đã trả lãi đối với khoản tiền 60 triệu đồng là không đúng, chữ ký trong các bảng trả lãi không phải là chữ ký của ông. Hội đồng xét xử thấy, như phân tích ở trên, có căn cứ xác định ông N đã nhận số tiền 60 triệu đồng từ Ngân hàng nên ông N phải có trách nhiệm trả lãi theo thỏa thuận. Theo quy định của ngân hàng thì Việc ký Hợp đồng tín dụng và ký nhận tiền vay phải chính do người vay thực hiện. Còn việc trả lãi và trả gốc tiền vay thì Ngân hàng không quy định là phải chính chủ người vay mới đem trả được, nên thực tế khi trả tiền lãi và trả tiền gốc vay thì người vay vốn có thể trả trực tiếp tại Ngân hàng hoặc nhờ người khác trả hộ. Do vậy việc ông N không phải là người trả lãi không có ý nghĩa chứng minh ông N chưa nhận tiền vay vốn từ Ngân hàng.

1.4. Đối với chi phí giám định: Trong vụ án này Ngân hàng xác định chữ viết “*Nguyễn Thuận N*” trong phiếu chi là chữ viết của ông N, đồng thời đề nghị giám định và nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Kết quả giám định cho thấy chữ viết “*Nguyễn Thuận N*” với mẫu so sánh do cùng một người viết ra. Do vậy quan điểm của Ngân hàng là có căn cứ, trên cơ sở đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông N phải hoàn trả tiền chi phí giám định 4.820.000đ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là đúng quy định.

Từ phân tích trên cho thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thuận N.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông N kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông N là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Phạm Thuần N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thuần N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162; khoản 2 Điều 184; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401; 402 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 149; Điều 385; Điều 463; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 24; Điều 59 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về 3 yêu cầu: hủy Hợp đồng tín dụng số 62600010/HĐTD ngày 27-02-2006; hủy Hợp đồng thế chấp tài sản số 62600010/HĐTC ngày 27-02-2006 có chứng thực; trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1233666 cấp ngày 16/11/1996 mang tên Phạm Thuần N.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Thuần N.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Phạm Thuần N phải hoàn trả Ngân hàng nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 4.820.000đ tiền chi phí giám định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C.
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

